TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16-7-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Trần Phúc

2. Ông Thái Văn Lộc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện C* ***tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 742/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 37/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều M**,** sinh năm 1983**.** Nơi cư trú: tổ 1, ấp C, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1979. Nơi cư trú: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 cùng các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện C, Chị Nguyễn Thị Kiều M (nguyên đơn) trình bày*:* Chị và Anh Trương Văn C chung sống với nhau vào năm 2002, không đăng ký kết hôn do Anh C không có hộ khẩu ở ấp C, xã G nếu đăng ký kết hôn ở xã G Anh C phải chuyển hộ khẩu ở ấp L, xã V về nhập xã G nhưng anh không làm kéo dài đến nay không đăng ký. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, Nguyên nhân: Do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, Anh C không lo làm ăn thường xuyên bỏ nhà đi nhưng chị không biết đi đâu, đến tháng 02/2019 Anh C về bên gia đình anh ở ấp L, xã V sống cho đến nay, Anh

C kêu chị làm giấy tay ly hôn anh ký. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn sống chung không hạnh phúc, vợ chồng ly thân cho đến nay hơn 01 năm không còn hàn gắn lại được nữa. Nay chị làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với Anh C.

Về con chung: Trương Thị Kiều M1, sinh ngày 26/11/2003 từ ngày ly thân đến nay cháu M1 sống với chị. Ly hôn cháu M1 muốn sống với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị đồng ý chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

***** Anh Trương Văn C – bị đơn trình bày**:** Anh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến của Anh C.

Tài liệu chứng cứ của vụ án: 01 đơn khởi kiện ghi ngày 02/12/2019; Bản sao giấy khai sinh con; Bản sao CMND và HKTT; Biên bản làm việc với Phòng Tư Pháp huyện C, tỉnh Tây Ninh về việc đăng ký kết hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326 về án phí lệ phí: Về hôn nhân: Không công nhận Chị Nguyễn Thị Kiều M và Anh Trương Văn C là vợ chồng. Về con chung: Giao Trương Thị Kiều M1, sinh ngày 26/11/2003 cho Chị M nuôi Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị M không yêu cầu.

Về tài sản: không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị M khai không có; không xem xét giải quyết.

Chị M chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Kiều M vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Anh Trương Văn C vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị M, Anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M, Anh C chung sống với nhau vào năm 2002, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của pháp luật anh, chị đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 anh, chị không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Trương Thị Kiều M1, sinh ngày 26/11/2003 Chị M yêu cầu hỏi ý kiến cháu yêu cầu sống chung với ai thì người đó nuôi không cấp dưỡng. Qua hỏi ý kiến cháu M1 nguyện vọng sống chung với Chị M nên giao cháu M1 cho Chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị M không yêu cầu.

[4] Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị M phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Anh C không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C

phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, Khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình công bố năm 2014; Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; **Tuyên bố:**

1. Về quan hệ hôn nhân**:** Không công nhận Chị Nguyễn Thị Kiều M và Anh Trương Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Trương Thị Kiều M1, sinh ngày 26/11/2003 cho Chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị M không yêu cầu.

Sau khi tuyên bố không công nhận quan hệ anh chị là vợ chồng Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản**:** Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006502 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh Trương Văn C không phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị M, Anh C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu Thành;
- THADS H.Châu Thành;
- Lưu : Tập án ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Phan Thị Hưởng